

Bản án số: 21/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 07-5-2020

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
giữa chị T và anh S”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Trang.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Ngọc Diệu.

2. Ông Đỗ Thanh Tuyền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Ngọc Ánh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hồng Thắm – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 401/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2019 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm: 1970;

Địa chỉ: Ấp H, xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre;

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn S, sinh năm: 1978.

Địa chỉ: Ấp H, xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre;

Tại phiên tòa sơ thẩm, chị T và anh S vắng mặt (chị T có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 03 tháng 10 năm 2019, bản tự khai, đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn S cưới nhau năm 1997, đến năm 2002 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Châu Bình, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Sau khi

cưới, chị và anh S sống tại ấp 7, xã Châu Bình, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre đến năm 2017 chuyển về sinh sống tại ấp 1 (Hồ Sen), xã Bình Thành, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Thời gian đầu, vợ chồng sống hạnh phúc. Đến năm 2016, vợ chồng mâu thuẫn, bất đồng quan điểm do anh S thường sử dụng rượu, bia, kiếm chuyện chửi và đánh đập chị, có lúc chị phải nhờ công an can thiệp. Chị có khuyên anh nhưng anh vẫn không thay đổi và bạo hành ngày càng nhiều. Chị không chịu đựng được nên làm đơn khởi kiện xin ly hôn anh S.

Trong thời gian chung sống, chị và anh S có 02 con chung tên Nguyễn Trung Hiếu, sinh ngày 14 tháng 9 năm 1998 đã trưởng thành, có cuộc sống riêng và Nguyễn Thị Thu Ngân sinh ngày 09 tháng 11 năm 2005, đang sống chung với chị. Chị yêu cầu được nuôi dưỡng Thu Ngân cho đến khi Thu Ngân đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh S cấp dưỡng cho con. Chị không tranh chấp tài sản chung, chị và anh S không có nợ chung.

Sau khi chị nộp đơn khởi kiện, chị có yêu cầu anh S cùng đến Tòa án giải quyết cho xong nhưng anh cho rằng chị nộp đơn khởi kiện thì chị tự giải quyết, anh không đến Tòa án. Chị nhận thấy hôn nhân giữa chị và anh S không thể kéo dài nên chị vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Do bận công việc nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt chị. Chị cam kết không thắc mắc, khiếu nại về sau.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm phát biểu ý kiến về tố tụng và về nội dung:

Về tố tụng:

Trong thời gian chuẩn bị xét xử, Thẩm phán thực hiện đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quy định tại các điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ các điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T đối với anh Nguyễn Văn S. Chị T được ly hôn với anh S.

- Về con chung: Chị T được trực tiếp nuôi dưỡng con Nguyễn Thị Thu Ngân sinh ngày 09 tháng 11 năm 2005. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh S cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung: Chị T không tranh chấp.

- Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Nguyễn Thị T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con với anh Nguyễn Văn S. Anh S là bị đơn trong vụ án, cư trú tại ấp Hồ Sen, xã Bình Thành, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Chị T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị T.

Anh S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh S.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn S chung sống có đăng ký kết hôn năm 2002 tại Ủy ban nhân dân xã Châu Bình, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre nên quan hệ hôn nhân của chị T và anh S được xem là hợp pháp. Tuy nhiên, chị T cho rằng trong thời gian chung sống thì chị và anh S thường hay xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, anh S thường sử dụng bạo lực với chị, tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nên chị xin ly hôn với anh S.

Qua xác minh tại địa phương được biết chị T và anh S thường xuyên mâu thuẫn, cự cãi do anh S ghen tuông đối với chị T. Mâu thuẫn giữa chị T và anh S kéo dài nên cần cho ly hôn để đảm bảo đời sống của con chung và tình hình an ninh, chính trị địa phương.

Sau khi thụ lý yêu cầu khởi kiện của chị T, Tòa án đã tiến hành thông báo cho anh S tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, mục đích hòa giải cho chị T và anh S đoàn tụ nhưng anh S vắng mặt, không có ý kiến.

Như vậy, tình trạng hôn nhân của chị T và anh S đã trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T để giải quyết cho chị được ly hôn với anh S. Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị T khai chị và anh S có 02 con chung tên Nguyễn Trung Hiếu, sinh ngày 14 tháng 9 năm 1998 đã trưởng thành, có cuộc sống riêng và Nguyễn Thị Thu Ngân sinh ngày 09 tháng 11 năm 2005, đang sống chung với chị. Chị yêu cầu được nuôi dưỡng Thu Ngân cho đến khi con đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh S cấp dưỡng cho Thu Ngân.

Hội đồng xét xử xét thấy con chung chưa thành niên là Nguyễn Thị Thu Ngân hiện tại do chị T nuôi dưỡng. Đồng thời, theo ý kiến của Thu Ngân có nguyện vọng được sống với chị T. Để đảm bảo sự ổn định trong cuộc sống của con chung thì cần giao Thu Ngân cho chị T được tiếp tục nuôi dưỡng.

Theo quy định tại Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình thì sau khi ly hôn “Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con” nhưng chị T không có yêu cầu anh S cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung:

Chị T không tranh chấp tài sản chung.

Chị T khai chị và anh S không có nợ chung.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T.

Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn S.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn S có 02 con chung tên Nguyễn Trung Hiếu, sinh ngày 14 tháng 9 năm 1998 đã trưởng thành, có cuộc sống riêng và Nguyễn Thị Thu Ngân sinh ngày 09 tháng 11 năm 2005, đang sống chung với chị T.

Chị Nguyễn Thị T được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Thị Thu Ngân cho đến khi Thu ngân tròn 18 tuổi.

Ghi nhận chị Nguyễn Thị T không yêu cầu anh Nguyễn Văn S cấp dưỡng cho con.

Anh Nguyễn Văn S được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án quyết định thay đổi việc cấp dưỡng cho con.

Trong trường hợp có yêu cầu của một hoặc cả hai bên hoặc của cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Ghi nhận chị Nguyễn Thị T khai chị không tranh chấp tài sản chung, chị và anh Nguyễn Văn S không có nợ chung.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0007454 ngày 28 tháng 11 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm. Chị T đã nộp đủ án phí.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND xã Châu Bình;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Phạm Thị Thu Trang